

ĐIỀU LỆ

Chương trình Bông Sen Vàng của VIETNAM AIRLINES

*(Đính kèm Đơn đăng ký điều kiện giao dịch chung
số /TCTHK-PC ngày / /2019)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định các chính sách về quá trình tham gia của hội viên vào chương trình Bông Sen Vàng nhằm tạo khung pháp lý cơ bản điều chỉnh các mối quan hệ giữa hội viên của chương trình Bông Sen Vàng với Vietnam Airlines.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Điều chỉnh hoạt động gia nhập, cập nhật thông tin tài khoản, cộng Dặm, mua Dặm, chuyên nhượng Dặm, trả thưởng, xét hạng thẻ, duy trì, chấm dứt danh hiệu của hội viên Bông Sen Vàng và các chính sách ưu đãi dành cho hội viên Bông Sen Vàng.

Điều 3. Đối tượng

1. Hội viên tham gia chương trình Bông Sen Vàng được quy định tại Khoản 1, Điều 5.
2. Vietnam Airlines.
3. Các đối tác của Chương trình Bông Sen Vàng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. VNA: là tên viết tắt của Vietnam Airlines.
2. Chương trình BSV: là chương trình khách hàng thường xuyên Bông Sen Vàng của VNA được xây dựng, phát triển trên cơ sở sản phẩm chính của VNA là dịch vụ vận chuyển hành khách, hành lý nhằm góp phần củng cố và phát triển quan hệ bạn hàng lâu dài, bền vững giữa hành khách và VNA.
3. Đối tác: là doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh trong các lĩnh vực hàng không và phi hàng không như ngân hàng, khách sạn, thuê xe ô tô, viễn thông, dịch vụ mà chương trình BSV ký kết hợp đồng hợp tác nhằm cung cấp tới hội viên những lợi ích bổ sung về dịch vụ hoặc kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi hoặc tiện nghi cho hội viên khi đi lại bằng đường hàng không.
4. Hội viên: là cá nhân đã đăng ký gia nhập chương trình BSV và được chương trình BSV gửi thư chúc mừng, thông báo số thẻ.

5. Hạng thẻ Đăng ký, Bạc, Titan, Vàng và Bạch kim: là danh hiệu hội viên từ thấp đến cao của chương trình BSV với các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3, Điều 5. Quyền lợi và ưu đãi Hội viên theo hạng thẻ được quy định tại Phụ lục 1.
6. Kỳ xét hạng: là khoảng thời gian xét hạng thẻ hội viên tính từ tháng hiện tại trở về 12 tháng trước đó.
7. Số thẻ hội viên: là số xác định duy nhất cho từng hội viên trong hồ sơ hội viên và được in trên thẻ hội viên.
8. Thẻ hội viên: là phương tiện dùng để nhận biết hội viên. Mỗi hạng thẻ hội viên có một thiết kế tương ứng.
9. Dặm: là đơn vị tính của chương trình BSV. Dặm được chia làm 2 loại: Dặm xét hạng và Dặm thưởng.
10. Dặm xét hạng: là Dặm dùng để xác định hạng thẻ hội viên tại mỗi Kỳ xét hạng.
11. Dặm thưởng: là Dặm dùng để đổi lấy các phần thưởng từ chương trình BSV.
12. Dặm thiện chí: là Dặm thưởng hoặc Dặm xét hạng mà VNA tặng cho hội viên để cảm ơn, xin lỗi, bồi thường thiện chí trong các trường hợp đặc biệt.
13. Chuyển bay xét hạng: là chuyển bay được cộng Dặm xét hạng và dùng để xác định hạng thẻ hội viên tại mỗi Kỳ xét hạng.
14. Tài khoản hội viên: là tài khoản được chương trình BSV cấp cho từng hội viên, lưu trữ các thông tin cá nhân hội viên đã khai báo khi gia nhập chương trình, lưu trữ số Dặm tích lũy từ các hoạt động của hội viên: cộng Dặm, khấu trừ Dặm khi lấy thưởng, khi hết hạn sử dụng hoặc cho tặng Dặm.
15. Bảng trả thưởng: là bảng quy định mức Dặm mà hội viên phải khấu trừ để đổi lấy các phần thưởng của chương trình BSV.
16. Mật khẩu: là dãy ký tự do hội viên tự chọn khi đăng ký gia nhập chương trình BSV. Hội viên có thể thay đổi Mật khẩu bằng cách truy cập vào Tài khoản hội viên qua trang website hoặc ứng dụng di động của chương trình BSV. Mật khẩu được sử dụng để đảm bảo chỉ hội viên mới có thể truy cập vào tài khoản.
17. Thông báo tài khoản: là thông báo định kỳ hàng tháng về những biến động trong Tài khoản hội viên được chương trình BSV gửi tới hội viên qua email.
18. Phòng vé: là các phòng bán vé đặt chỗ của VNA do các Chi nhánh của VNA trong và ngoài nước quản lý.
19. Danh sách nhận thưởng: là danh sách người nhận thưởng do hội viên hạng Bạch Kim, Vàng và Titan chỉ định.
20. Chứng nhận cấp thưởng điện tử: là chứng từ do chương trình BSV phát hành và là căn cứ để các Phòng vé xuất vé thưởng cho hội viên. Chứng nhận cấp thưởng chỉ có hiệu lực trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát hành.
21. Giấy ủy quyền: là giấy mà hội viên ủy quyền người thay mặt mình thực hiện các yêu cầu liên quan đến tài khoản hội viên.
22. SKT: là các hãng hàng không thuộc liên minh hàng không SkyTeam.
23. KHTX: khách hàng thường xuyên.
24. Vé hạng thương gia: là hạng vé đặc biệt với nhiều dịch vụ cao cấp nhất dành cho hành khách như chỗ ngồi, xuất ăn trên máy bay, quyền lợi Skypriority và thêm tiêu chuẩn hành lý miễn cước, được quy định tại website www.vietnamairlines.com. Vé mua hạng thương gia được cộng dặm với hệ số cao

nhất. Hạng thương gia có các hạng đặt chỗ trên VNA là J, C, D, I, O được cộng dặm với hệ số quy định tại Phụ lục 2.

25. Vé hạng phổ thông đặc biệt: là hạng vé với nhiều dịch vụ cao cấp dành cho hành khách như chỗ ngồi, xuất ăn trên máy bay, thêm tiêu chuẩn hành lý miễn cước, được quy định tại website www.vietnamairlines.com. Vé mua hạng phổ thông đặc biệt được cộng dặm với hệ số thấp hơn hạng thương gia, nhưng cao hơn hạng phổ thông. Hạng phổ thông đặc biệt có các hạng đặt chỗ trên VNA là W, Z, U, được cộng dặm với hệ số quy định tại Phụ lục 2.
26. Vé hạng phổ thông: là hạng vé thông thường dành cho hành khách, các hạng đặt chỗ trên VNA là Y, B, M, S, H, K, L, Q, N, R, T, A, P, E, X. Vé mua hạng phổ thông có hệ số cộng dặm thấp hơn hạng phổ thông đặc biệt được quy định tại Phụ lục 2.
27. Vé ID: là vé miễn giảm cước nhân viên hàng không (Industry Discounted) do Vietnam Airlines xuất, áp dụng cho cán bộ nhân viên của Vietnam Airlines.
28. Vé QCTT-XTTM-TT và Vé CA: là những loại vé miễn, giảm cước quảng cáo tiếp thị, xúc tiến thương mại, tài trợ do Vietnam Airlines xuất, áp dụng cho khách hàng (cá nhân và tổ chức) là đối tác của Vietnam Airlines nhằm trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ các hoạt động quảng cáo tiếp thị, xúc tiến thương mại, tài trợ của Vietnam Airlines.
29. Sản phẩm nâng hạng dịch vụ Optiontown: là loại sản phẩm mà hành khách trả thêm tiền qua trang website www.optiontown.com để được nâng lên hạng vé cao hơn tại thời điểm check in (nếu hạng vé cao hơn còn chỗ).
30. Vùng trả thưởng nội địa Việt Nam 1 bao gồm các chặng bay nội địa Việt Nam có khoảng cách giữa điểm đầu và điểm cuối dưới 400 dặm. Vùng trả thưởng Nội địa Việt Nam 2 bao gồm các chặng bay nội địa Việt Nam có khoảng cách giữa điểm đầu và điểm cuối từ 400 dặm trở lên. (Lấy theo TPM – Ticketed Point Mileage).

Chương II

ĐIỀU LỆ CHƯƠNG TRÌNH BSV

Điều 5. Gia nhập, chấp nhận, nâng hạng, duy trì và chấm dứt danh hiệu hội viên

1. Đối tượng tham gia

Tất cả các cá nhân từ 02 tuổi trở lên, có quyền công dân, không giới hạn về quốc tịch, có địa chỉ liên lạc thư tín thường xuyên và không trái với luật pháp của nước sở tại.

Hội viên có trách nhiệm đăng ký đúng ngày tháng năm sinh và các thông tin cá nhân khác của mình khi tham gia chương trình.

2. Thủ tục gia nhập

2.1. Cá nhân mong muốn trở thành hội viên của chương trình BSV có thể truy cập vào trang website www.vietnamairlines.com hoặc ứng dụng di động của chương trình BSV và làm theo hướng dẫn để gia nhập chương trình BSV hoặc có thể đăng ký trên một số kênh khác (nếu có).

2.2. Mỗi cá nhân chỉ được tạo một tài khoản hội viên với chương trình BSV. Cá nhân sau khi gia nhập chương trình BSV thành công sẽ nhận được thư điện tử chào mừng và thông báo số thẻ hội viên. Hội viên có trách nhiệm khởi tạo lại mật khẩu truy cập sau khi đăng ký thành công để kích hoạt tài khoản BSV. Hội viên có trách nhiệm bảo mật mật khẩu tài khoản của mình, không được tiết lộ cho người khác.

2.3. Cá nhân không được phép tạo tài khoản hội viên cho người khác mà không được sự ủy quyền hoặc cho phép của người được tạo tài khoản.

2.4. Hội viên có trách nhiệm lưu giữ và thông báo số thẻ BSV mỗi khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của VNA và các đối tác.

2.5. Hội viên có trách nhiệm đăng ký đúng địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại của mình khi đăng ký tham gia chương trình BSV và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các thông tin trên. Hội viên có trách nhiệm tự thực hiện bổ sung, cập nhật thay đổi địa chỉ thư tín, email, điện thoại bằng cách truy cập vào tài khoản tại trang website www.vietnamairlines.com, ứng dụng di động hoặc liên lạc trực tiếp với các Phòng vé của VNA hoặc tổng đài chăm sóc khách hàng của VNA.

2.6. VNA có thể yêu cầu hội viên cung cấp thêm những thông tin liên quan khác để phục vụ hội viên tốt hơn.

3. Tiêu chuẩn xét hạng và thời điểm công nhận danh hiệu, hạng thẻ hội viên

3.1. Hội viên hạng thẻ Đăng ký được công nhận khi điền đầy đủ các thông tin trong mẫu đăng ký trên trang website www.vietnamairlines.com hoặc ứng dụng di động của chương trình BSV và được VNA thông báo số thẻ hội viên ngay sau khi đăng ký thành công và qua email.

3.2. Hội viên hạng thẻ Đăng ký được lên hạng thẻ Bạc sau khi Dặm xét hạng của chuyến bay đầu tiên được cập nhật vào Tài khoản hội viên hoặc sau khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ trên Đối tác có tiêu chuẩn nâng hạng thẻ Bạc.

3.3. Hội viên hạng thẻ Titan được công nhận sau khi tích lũy được trong Kỳ xét hạng ít nhất 15.000 Dặm xét hạng hoặc thực hiện được 20 Chuyến bay xét hạng hoặc sau khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ trên Đối tác có tiêu chuẩn nâng

hạng thẻ Titan.

- 3.4. Hội viên hạng thẻ Vàng được công nhận sau khi tích lũy được trong Kỳ xét hạng ít nhất là 30.000 Dặm xét hạng hoặc thực hiện được 30 Chuyến bay xét hạng hoặc sau khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ trên Đối tác có tiêu chuẩn nâng hạng thẻ Vàng.
 - 3.5. Hội viên hạng thẻ Bạch kim được công nhận sau khi tích lũy được trong Kỳ xét hạng ít nhất là 50.000 Dặm xét hạng hoặc thực hiện được 50 Chuyến bay xét hạng.
 - 3.6. Hội viên triệu dặm (Million Milers - MM) là những hội viên cao cấp có nhiều đóng góp nhất trên các hạng ghế doanh thu của VNA. Hội viên cần đạt từ 1 triệu dặm xét hạng trở lên (tích lũy trên các chuyến bay do VN khai thác) tính từ ngày hội viên gia nhập chương trình BSV và được VNA rà soát, phê duyệt.
 - 3.7. Hội viên có thể được nâng hạng Bạc, Titan, Vàng, hoặc Bạch kim theo các thỏa thuận hợp tác giữa chương trình BSV với các đối tác phi hàng không được đăng tại website www.vietnamairlines.com và được thông báo tới hội viên trong từng giai đoạn.
 - 3.8. Danh hiệu hội viên, Thẻ hội viên không được phép chuyển nhượng, thừa kế hoặc thế chấp.
4. Duy trì danh hiệu hội viên
- 4.1. Để duy trì danh hiệu hội viên, trong mỗi Kỳ xét hạng, hội viên cần tiếp tục thực hiện các chuyến bay được cộng Dặm xét hạng hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Đối tác cho đủ tiêu chuẩn xét hạng của từng hạng thẻ nêu tại Khoản 3, Điều 5 trên đây.
 - 4.2. Tại thời điểm hết hạn thẻ, hội viên hạng thẻ Titan, Vàng và Bạch kim không đạt tiêu chuẩn duy trì danh hiệu hội viên sẽ bị giảm xuống hạng thẻ tương ứng với số Dặm xét hạng đạt được trong Kỳ xét hạng trước đó hoặc bị giảm xuống hạng thẻ Bạc.
 - 4.3. Hạng thẻ Bạc không có ngày hết hạn ngoại trừ các trường hợp chấm dứt danh hiệu hội viên quy định tại Khoản 5 Điều 5 dưới đây.
5. Chấm dứt tài khoản của hội viên
- Tài khoản của hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp như sau:
- 5.1. Hội viên tự nguyện xin chấm dứt tham gia chương trình BSV.
 - 5.2. Hội viên qua đời.
 - 5.3. Tài khoản của hội viên có các hoạt động, giao dịch vi phạm Khoản 2, Điều 11 hoặc vi phạm các khoản 1, 2 và 6.5 Điều 5, Khoản 1.8 Điều 6, Khoản 8.13 Điều 7, Khoản 3.2, 3.6 Điều 8 tại Chương II - Điều lệ chương trình BSV.
 - 5.4. Hội viên có những hành động gây thiệt hại về tài chính, dữ liệu, hình ảnh, thương hiệu cho chương trình BSV, VNA, hoặc các Đối tác, trừ trường hợp không do lỗi của Hội viên.
 - 5.5. Hội viên có những hành động xúc phạm, hành hung nhân viên của VNA.
 - 5.6. Hội viên có những hành động đe dọa đến an ninh hàng không.
 - 5.7. Trong mọi trường hợp, khi tài khoản của hội viên bị chấm dứt thì toàn bộ số Dặm còn lại trong tài khoản sẽ bị huỷ bỏ, không được chuyển nhượng cho hội viên khác.

6. Kiểm tra, kiểm soát Tài khoản hội viên
 - 6.1. Tài khoản hội viên có thể được kiểm tra, kiểm soát tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của chương trình BSV.
 - 6.2. Khi Tài khoản hội viên có dấu hiệu mâu thuẫn hoặc bị nghi ngờ đã vi phạm Điều lệ chương trình BSV, hội viên sẽ tạm thời không được lấy thưởng, cộng Dặm trong thời gian xác minh:
 - 6.2.1 Nếu số Dặm đã cộng được xác định đúng vì lý do gian lận, số Dặm đã cộng sẽ bị thu hồi, Tài khoản hội viên bị đóng, danh hiệu hội viên bị chấm dứt.
 - 6.2.2 Nếu số Dặm đã cộng được xác định là do lỗi hệ thống (ví dụ như cài đặt tham số cộng dặm không chính xác, dữ liệu cộng dặm của đối tác báo cáo không chính xác), chương trình BSV có quyền thu hồi lại số dặm đã cộng và có trách nhiệm thông báo tới hội viên về việc thu hồi số Dặm đã được cộng do lỗi hệ thống.
 - 6.2.3 Nếu số Dặm đã cộng được xác định là đúng căn cứ vào chứng cứ do VNA thu thập hoặc chứng từ bay do hội viên cung cấp (quy định tại mục 6.5 của Điều khoản này) hoặc hóa đơn sử dụng dịch vụ của đối tác phi hàng không, trong thời hạn tối đa 2 ngày làm việc kể từ ngày xác định, tài khoản của hội viên được mở lại bình thường để cộng Dặm và lấy thưởng.
 - 6.3. Các trường hợp có các hành vi gian lận trong Tài khoản hội viên, thông tin về hội viên sẽ được thông báo cho các cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định của Pháp luật.
 - 6.4. Hội viên được quyền yêu cầu truy vấn các thông tin Tài khoản hội viên của mình như thông tin cá nhân, các hoạt động cộng Dặm, trả thưởng trong vòng 2 năm trở về trước tính từ ngày VNA nhận được yêu cầu của hội viên.
 - 6.5. Hội viên có trách nhiệm lưu giữ chứng từ bay (vé điện tử, thẻ lên máy bay, hóa đơn mua vé), hóa đơn sử dụng dịch vụ của đối tác phi hàng không để thực hiện xác thực cộng dặm với Trung tâm BSV khi tài khoản hội viên nghi ngờ có dấu hiệu gian lận cộng dặm.

Điều 6. Ưu đãi dịch vụ

1. Nguyên tắc chung
 - 1.1. Các ưu đãi về dịch vụ đối với hội viên chỉ áp dụng khi hội viên bay trên các chuyến bay thường lệ của Vietnam Airlines có số hiệu chuyến bay là VN và VNA là hãng khai thác (ngoại trừ chuyến bay thuê chuyến) và trên các chuyến bay của các hãng trong SKT.
 - 1.2. Đối với các chuyến bay có hợp tác giữa VNA với các hãng hàng không khác (số hiệu chuyến bay là VN), hội viên chỉ được hưởng ưu đãi dịch vụ trên các chuyến bay được quy định trong các hợp đồng hợp tác liên danh/liên doanh và được thông báo trong từng giai đoạn.
 - 1.3. Mức độ ưu tiên trong việc phục vụ hội viên và các đối tượng khách khác của VNA được chương trình BSV thông báo tới hội viên trên website www.vietnamairlines.com và/hoặc thư điện tử trong từng giai đoạn.

- 1.4. Hội viên hạng thẻ Bạc, Titan, Vàng và Bạch kim được hưởng ưu đãi dịch vụ tương ứng trong thời hạn hiệu lực của Thẻ hội viên.
- 1.5. Ngoài các ưu đãi dịch vụ được hưởng trên các chuyến bay của VNA, khi bay trên các hãng trong SKT, các hạng thẻ hội viên chương trình BSV nhận được ưu đãi dịch vụ tương ứng với hai hạng Elite và Elite Plus do liên minh SKT quy định tại website www.skyteam.com (Hạng thẻ Elite Plus có ưu đãi cao hơn hạng thẻ Elite). Các hạng thẻ của chương trình BSV sẽ tương ứng với hạng Elite và Elite Plus trong SKT như sau:

Hạng thẻ	Hạng thẻ tương ứng trên SKT
Bạch kim (Platinum)	Elite Plus
Vàng (Gold)	Elite
Titan (Titanium)	Elite
Bạc (Silver)	-
Đăng Ký (Registration)	-

- 1.6. Trong trường hợp chuyến bay bất thường như: hủy, hoãn, hết chỗ hoặc các lỗi khác của VNA, hành khách sử dụng vé thưởng được phục vụ như hành khách đi bằng vé mua.
 - 1.7. Trong trường hợp hội viên có từ 2 thẻ hội viên chương trình KHTX của các hãng hàng không trong liên minh SKT (bao gồm cả VNA), hội viên chỉ được sử dụng duy nhất 1 thẻ hội viên chương trình KHTX để tích lũy Dặm và hưởng các ưu đãi dịch vụ trên 1 chuyến bay.
 - 1.8. Hội viên có trách nhiệm xuất trình thẻ hội viên của mình khi đặt chỗ, mua vé, làm thủ tục check in để được hưởng ưu đãi dịch vụ theo hạng thẻ Hội viên. Nghiêm cấm việc dùng thẻ hội viên khác để hưởng ưu đãi.
2. Cơ cấu ưu đãi dịch vụ
- 2.1. Ưu đãi cho Hội viên khi bay trên chuyến bay của VNA: Khi hội viên bay trên các chuyến bay thường lệ của VNA số hiệu chuyến bay là VN và VNA là hãng khai thác (ngoại trừ chuyến bay thuê chuyến), Hội viên sẽ được hưởng những ưu đãi về dịch vụ được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 – Ưu đãi dịch vụ.
 - 2.2. Ưu đãi cho hội viên khi bay trên SKT: theo tiêu chuẩn chung của liên minh hàng không SKT được thông báo trên website www.skyteam.com.
 - 2.3. Ưu đãi cho hội viên khi bay trên các hãng hàng không khác: được quy định tại các hợp đồng hợp tác giữa VNA với các hãng hàng không khác về phục vụ hội viên chương trình BSV và được thông báo tới hội viên trên website www.vietnamairlines.com và/hoặc thư điện tử trong từng giai đoạn.

Điều 7. Cộng Dặm

1. Công thức tính Dặm khi thực hiện chuyến bay
 - 1.1. Dặm xét hạng = Chiều dài hành trình bay * Hệ số hạng đặt chỗ.
 - 1.2. Dặm thưởng = Chiều dài hành trình bay * Hệ số hạng đặt chỗ * Hệ số hạng thẻ.
2. Các trường hợp cộng Dặm xét hạng
 - 2.1. Mua vé và thực hiện chuyến bay dưới đây:
 - 2.1.1 Các chuyến bay thường lệ do VNA khai thác và tham gia trừ các chuyến bay thuê chuyến (VN*/VN).

- 2.1.2 Các chuyến bay của SKT khai thác và tham gia (SKT*/SKT).
- 2.1.3 Các chuyến bay do SKT khai thác và VNA tham gia (VN*/SKT).
- 2.1.4 Các chuyến bay do VNA khai thác và SKT tham gia (SKT*/VN).
- 2.1.5 Các chuyến bay do các hãng hàng không khác khai thác và VNA là hãng tham gia được thông báo trong từng giai đoạn (VN*/0V; VN*/BL; VN*/K6).
- 2.1.6 Các chuyến bay của Jestar Pacific khai thác và tham gia (BL*/BL).
- 2.1.7 Các chuyến bay của một số hãng ngoài SKT mà VNA có hợp tác về chương trình KHTX, và được thông báo trong từng giai đoạn.
- 2.2. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ trên các Đối tác khác (ngân hàng, khách sạn, viễn thông....) được quy định trong các hợp đồng hợp tác giữa chương trình BSV của VNA với các Đối tác, và được thông báo trong từng giai đoạn.
- 2.3. Tham gia các chương trình bán đặc biệt của VNA.
- 2.4. Mua Dặm xét hạng của chương trình BSV.
- 3. Các trường hợp cộng Dặm thưởng
 - 3.1. Mua vé và thực hiện chuyến bay dưới đây:
 - 3.1.1. Các chuyến bay thường lệ do VNA khai thác và tham gia trừ các chuyến bay thuê chuyên (VN*/VN).
 - 3.1.2. Các chuyến bay thường lệ do các hãng hàng không ngoài SKT khai thác mà VNA là hãng tham gia (VN*/OAL).
 - 3.1.3. Các chuyến bay do SKT khai thác và tham gia (SKT*/SKT).
 - 3.1.4. Các chuyến bay do SKT khai thác và VNA tham gia (VN*/SKT).
 - 3.1.5. Các chuyến bay do VNA khai thác và SKT tham gia (SKT*/VN).
 - 3.1.6. Các chuyến bay do các hãng hàng không ngoài SKT khai thác hoặc tham gia được quy định trong hợp đồng song phương về chương trình KHTX với VNA, và được thông báo trong từng giai đoạn.
 - 3.2. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ trên các Đối tác khác (ngân hàng, khách sạn, viễn thông....) được quy định trong các hợp đồng hợp tác giữa chương trình BSV của VNA với các Đối tác, và được thông báo trong từng giai đoạn.
 - 3.3. Hưởng theo ưu đãi của từng hạng thẻ hội viên (Tier bonus) khi thực hiện chuyến bay với VNA, SKT và các hãng hàng không ngoài SKT được quy định trong các hợp đồng hợp tác về chương trình KHTX với VNA được thông báo trong từng giai đoạn.
 - 3.4. Tham gia các chương trình bán đặc biệt của VNA và của Đối tác.
 - 3.5. Mua Dặm thưởng của chương trình BSV hoặc nhận Dặm tặng từ hội viên khác.
- 4. Các hạng đặt chỗ được cộng Dặm
 - 4.1. Trên chuyến bay của VNA:
 - 4.1.1. Các hạng đặt chỗ của vé mua hạng Thương gia và hạng Phổ thông đặc biệt (trừ vé ID, vé thưởng BSV, vé CA, vé QCTT-XTTM-TT).
 - 4.1.2. Các hạng đặt chỗ của vé mua hạng Phổ thông (trừ vé ID, vé thưởng BSV, vé CA, vé QCTT-XTTM-TT).
 - 4.2. Trên chuyến bay của các hãng hàng không trong SKT và các hãng hàng không

khác: quy định cụ thể trong các hợp đồng hợp tác song phương giữa VNA với các hãng hàng không trong SKT và các hãng hàng không khác được đăng trên website www.vietnamairlines.com và thông báo tới hội viên trong từng giai đoạn mỗi khi ký hợp đồng hợp tác, phụ lục hợp đồng.

- 4.3. Mỗi hạng đặt chỗ sẽ có hệ số cộng Dặm khác nhau theo nguyên tắc hạng dịch vụ càng cao hệ số cộng Dặm càng lớn. Chi tiết hạng đặt chỗ được cộng Dặm và hệ số cộng Dặm cho từng hạng đặt chỗ được quy định ở Phụ lục 2 – Hệ số cộng Dặm theo hạng đặt chỗ.
5. Hệ số cộng Dặm thưởng theo hạng thẻ khi thực hiện chuyến bay
 - 5.1. Hội viên hạng thẻ Titan được cộng thêm 30% số Dặm thưởng đã tích lũy theo hạng đặt chỗ.
 - 5.2. Hội viên hạng thẻ Vàng được cộng thêm 50% số Dặm thưởng đã tích lũy theo hạng đặt chỗ.
 - 5.3. Hội viên hạng thẻ Bạch kim được cộng thêm 100% số Dặm thưởng đã tích lũy theo hạng đặt chỗ.
 - 5.4. Hệ số cộng Dặm thưởng theo hạng thẻ không áp dụng trên chuyến bay của GA.
6. Cộng Dặm trong các trường hợp khác
 - 6.1. Hội viên có thể được cộng thêm Dặm vào tài khoản từ các chương trình ưu đãi tặng Dặm do VNA và Đối tác phối hợp triển khai và được chương trình BSV thông báo trước.
 - 6.2. Hội viên có thể được tặng Dặm thiện chí để cảm ơn hội viên đã có sự trợ giúp, hợp tác với VNA trong một số trường hợp đặc biệt.
7. Yêu cầu cộng Dặm bổ sung
 - 7.1. Hội viên mới gia nhập chương trình BSV được cộng lại Dặm xét hạng và Dặm thưởng cho các chuyến bay đã thực hiện của VNA và Đối tác hàng không với các hạng đặt chỗ được cộng Dặm trong vòng 6 tháng trước ngày gia nhập.
 - 7.2. Hội viên được cộng lại Dặm cho các chuyến bay đã thực hiện với VNA trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm VNA nhận được yêu cầu của hội viên hoặc thời điểm hội viên gửi yêu cầu cộng Dặm trực tuyến. Trong trường hợp hội viên yêu cầu cộng Dặm bổ sung tại Phòng vé và các đầu mối giao dịch khác của chương trình BSV, chứng từ yêu cầu cộng lại Dặm bao gồm bản gốc/bản sao thẻ lên tàu và số vé điện tử của chuyến bay.
 - 7.3. Hội viên được cộng lại Dặm cho các chuyến bay đã thực hiện trên các hãng hàng không khác trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng (tùy thuộc vào điều khoản trong hợp đồng hợp tác về chương trình KHTX giữa VNA với Đối tác) tính đến thời điểm VNA nhận được yêu cầu của hội viên hoặc thời điểm hội viên thực hiện yêu cầu cộng Dặm trực tuyến. Trong trường hợp hội viên yêu cầu cộng Dặm bổ sung tại Phòng vé và các đầu mối giao dịch khác của chương trình BSV, chứng từ yêu cầu cộng lại Dặm bao gồm bản gốc/bản sao thẻ lên máy bay và bản sao vé điện tử của chuyến bay.
 - 7.4. Hội viên được cộng lại Dặm cho các sản phẩm, dịch vụ sử dụng trên các Đối tác phi hàng không trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm VNA nhận được yêu cầu của hội viên. Chứng từ yêu cầu cộng lại Dặm bao gồm bản sao kê ngân hàng (đối với Đối tác ngân hàng) hoặc bản sao hóa đơn do hội viên đứng

tên khi mua, sử dụng sản phẩm, dịch vụ (đối với các Đối tác còn lại).

- 7.5. Hội viên có trách nhiệm lưu giữ các chứng từ bay (vé điện tử, thẻ lên máy bay) trong thời gian 12 tháng, hóa đơn sử dụng dịch vụ của đối tác trong thời gian 6 tháng, kể từ ngày thực hiện chuyến bay hoặc ngày sử dụng dịch vụ của đối tác để thực hiện yêu cầu cộng dặm bổ sung (nếu cộng dặm thiếu) và để xác thực việc cộng dặm khi có yêu cầu của TTBSV hoặc của cơ quan có thẩm quyền.
8. Các quy định về cộng Dặm
 - 8.1. Dặm thưởng của hội viên sẽ có thời hạn sử dụng tối đa 3 năm tùy thuộc vào thời điểm tích lũy số Dặm thưởng đó.
 - 8.2. Dặm xét hạng có thời hạn tối đa 13 tháng tính từ tháng xét hạng thẻ.
 - 8.3. Chuyến bay xét hạng có thời hạn tối đa 13 tháng tính từ tháng xét hạng thẻ.
 - 8.4. Mỗi hội viên tham gia chương trình BSV chỉ được phép có duy nhất một tài khoản để cộng Dặm cho bản thân. Trong trường hợp hội viên của chương trình BSV đồng thời là hội viên của một hay nhiều chương trình KHTX của các hãng hàng không khác, Hội viên được quyền và có trách nhiệm lựa chọn duy nhất một tài khoản KHTX để tích lũy Dặm cho mỗi chuyến bay. Khi hội viên yêu cầu cộng Dặm vào tài khoản của chương trình BSV và Dặm đã được cộng thì hội viên không được quyền yêu cầu hủy cộng Dặm trong tài khoản của chương trình BSV để chuyển sang tài khoản khác. Chương trình Bông Sen Vàng không chấp nhận cộng dặm bổ sung trường hợp vé và/hoặc thẻ lên tàu đã được cập nhật số thẻ KHTX của hãng hàng không khác.
 - 8.5. Đối với những chuyến bay được cộng Dặm nhưng bị hủy hoặc chậm chuyến vì các lý do như thời tiết, kỹ thuật, hay các điều kiện bất thường khác mà hội viên không thực hiện hoặc không thể thực hiện được chuyến bay đó thì không được cộng Dặm.
 - 8.6. Trường hợp hội viên được chuyển sang các chuyến bay được cộng Dặm khác thì Dặm sẽ được cộng cho các chuyến bay thực tế đó.
 - 8.7. Dặm sẽ không được cộng cho vé đã bị cấm sử dụng, vé đã hết hạn sử dụng, vé giảm giá đặc biệt, vé ID, vé thưởng BSV, vé CA, vé QCTT-XTTM-TT.
 - 8.8. Trong trường hợp hội viên được nâng hạng dịch vụ miễn phí, nâng hạng dịch vụ bằng cách quy đổi Dặm thưởng, hoặc theo các chính sách bán khác của VNA (các chương trình Xúc tiến thương mại, sản phẩm nâng hạng dịch vụ Optiontown), Dặm sẽ chỉ được cộng theo hạng đặt chỗ mua ban đầu.
 - 8.9. Trường hợp hội viên bị thay đổi chuyến bay không tự nguyện sang chuyến bay khác và chuyến bay mới không được cộng Dặm thì hội viên sẽ được cộng Dặm theo hành trình và hạng đặt chỗ của vé mua ban đầu.
 - 8.10. Hội viên đi bằng vé mua hạng Nhất, hạng Thương gia hoặc hạng Phổ thông đặc biệt nhưng bị hạ hạng dịch vụ bắt buộc sẽ được hưởng chế độ đền bù theo quy định hiện hành của VNA được quy định tại website www.vietnamairlines.com và chỉ được cộng Dặm theo hạng đặt chỗ thực bay.
 - 8.11. Hội viên không được cộng thêm Dặm khi mua vé cho hành lý quá cước hoặc trả thêm tiền để mua thêm ghế ngồi cho mình trên chuyến bay.
 - 8.12. Vé đã mua nhưng chưa hoặc không được sử dụng (đã hoặc chưa được hoàn

trả) sẽ chưa hoặc không được cộng Dặm.

- 8.13. Hội viên không được phép cập nhập số thẻ của hội viên khác vào booking của mình để được cộng dặm, không được phép dùng dữ liệu bay của hội viên khác để thực hiện cộng dặm bổ sung trực tuyến.

Điều 8. Sử dụng Dặm thưởng

1. Đối tượng được lấy thưởng

- 1.1. Hội viên các hạng thẻ Bạch kim, Vàng, Titan, Bạc, Đăng ký.
- 1.2. Người trong Danh sách nhận thưởng được hội viên Bạch kim, Vàng và Titan chỉ định.
- 1.3. Người ngoài Danh sách nhận thưởng được hội viên Bạch kim và Vàng yêu cầu khi lấy thưởng.

2. Các loại phần thưởng

- 2.1. Vé thưởng: là vé được cấp để đi trên VNA hoặc các hãng hàng không Đối tác.
- 2.2. Thưởng nâng hạng dịch vụ: là phần thưởng dùng để nâng lên hạng dịch vụ cao hơn (Phổ thông đặc biệt/Thương gia) trên chuyến bay của VNA từ vé mua hạng Phổ thông/Phổ thông đặc biệt với hạng đặt chỗ được cộng Dặm theo quy định.
- 2.3. Thưởng hành lý: là phần thưởng được mang thêm hành lý miễn cước ngoài tiêu chuẩn và chỉ áp dụng trên các chuyến bay do VNA khai thác.
- 2.4. Thưởng sử dụng phòng khách Bông Sen: là phần thưởng vào phòng khách Bông Sen dành cho người thân của hội viên Bạch kim và Vàng.
- 2.5. Thưởng trên các Đối tác phi hàng không: là phần thưởng trên các đối tác phi hàng không của chương trình BSV.
- 2.6. Dùng dặm thưởng kết hợp với tiền để mua vé máy bay.

3. Quy định chung

- 3.1. Hội viên được phép lấy thưởng trên cơ sở khấu trừ số Dặm thưởng được tích lũy còn hiệu lực sử dụng trong tài khoản của hội viên. Dặm được tích lũy trước sẽ được khấu trừ trước.
- 3.2. Hội viên không được phép mua bán Dặm với nhau, bán các loại phần thưởng BSV.
- 3.3. Dặm sẽ không được hoàn lại vào Tài khoản hội viên đã lấy thưởng cho phần thưởng chưa sử dụng hay mới sử dụng một phần, ngoại trừ các trường hợp do lỗi của VNA mà hội viên không thực hiện được phần thưởng.
- 3.4. Chứng nhận cấp thưởng điện tử còn hạn sử dụng được phép truy hoàn lại vào Tài khoản hội viên đã lấy thưởng với lệ phí bằng 50% số Dặm đã trừ trên Chứng nhận cấp thưởng.
- 3.5. Chứng nhận cấp thưởng điện tử còn hạn được phép thay đổi các chi tiết như: loại phần thưởng, tên, hành trình và hạng dịch vụ với mức lệ phí như sau:
 - 3.5.1. Yêu cầu cấp thưởng ban đầu dưới 50.000 Dặm: Trừ 3.000 Dặm lệ phí cho 1 lần giao dịch thay đổi.
 - 3.5.2. Yêu cầu cấp thưởng ban đầu từ 50.000 Dặm trở lên: Trừ 6.000 Dặm lệ phí cho 1 lần giao dịch thay đổi.

- 3.5.3. Nếu Yêu cầu cấp thưởng mới có số Dặm khấu trừ nhiều hơn so với Yêu cầu cấp thưởng ban đầu thì phần Dặm chênh lệch sẽ được trừ thêm vào Tài khoản hội viên đã lấy thưởng.
- 3.5.4. Nếu Yêu cầu cấp thưởng mới có số Dặm khấu trừ ít hơn so với Yêu cầu cấp thưởng ban đầu thì phần Dặm chênh lệch sẽ không được truy hoàn lại vào Tài khoản hội viên đã lấy thưởng.
- 3.6. Chi Hội viên mới được lấy thưởng từ tài khoản của mình. Trong trường hợp không trực tiếp lấy phần thưởng, hội viên được phép ủy quyền cho người khác lấy vé thưởng thay mình. Người được ủy quyền sẽ mang giấy tờ tùy thân của bản thân và của hội viên, Giấy ủy nhiệm nhận thưởng (theo mẫu đăng tại website www.vietnamairlines.com) ra Phòng vé được chỉ định trong Chứng nhận cấp thưởng điện tử để lấy vé. Đối với hội viên nhỏ hơn 18 tuổi, cha, mẹ hoặc người giám hộ được phép lấy thưởng hộ mà không cần Giấy ủy nhiệm nhận thưởng.
- 3.7. Danh sách nhận thưởng không được hủy bớt nhưng được bổ sung và thay đổi: Hội viên Bạch Kim, Vàng: Được bổ sung khi hội viên chưa chỉ định đủ 10 người và được thay đổi miễn phí 2 người trong 1 năm dương lịch (01/01 đến 31/12). Hội viên Titan: Được bổ sung khi hội viên chưa chỉ định đủ 5 người và được thay đổi miễn phí 1 người trong 1 năm dương lịch (01/01 đến 31/12).
4. Vé thưởng
- 4.1. Các chuyến bay được lấy thưởng
- 4.1.1. Vé thưởng được áp dụng trên các chuyến bay của VNA khai thác và tham gia (VN*/VN).
- 4.1.2. Các chuyến bay VNA mua chỗ cứng trên các hãng hàng không khác (VN*2000-VN*2999).
- 4.1.3. Chuyến bay của các hãng hàng không trong SKT và ngoài SKT mà VNA có hợp tác về chương trình KHTX được thông báo trong từng giai đoạn.
- 4.2. Thời hạn sử dụng của vé thưởng
- 4.2.1. Vé thưởng có thời hạn 1 năm kể từ ngày khởi hành chặng bay đầu tiên ghi trên vé trong các trường hợp dưới đây. Đối với vé hoàn toàn chưa sử dụng, việc thay đổi ngày bay (Revalidate/Exchange) phải được thực hiện trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất vé, hiệu lực vận chuyển được phép áp dụng đến ngày hiệu lực của vé gốc.
- 4.2.2. Vé thưởng có các hành trình bay trên chuyến bay của VNA bao gồm các chuyến bay do VNA khai thác hoặc các chuyến bay VNA mua chỗ cứng (có số hiệu chuyến bay trong khoảng VN*2000 đến VN*2999).
- 4.2.3. Vé thưởng có các hành trình kết hợp các chuyến bay của VNA và SKT.
- 4.2.4. Vé thưởng có thời hạn 1 năm kể từ ngày xuất vé trong các trường hợp dưới đây:
- 4.2.4.1. Vé thưởng có hành trình hoàn toàn trên SKT.
- 4.2.4.2. Vé thưởng có hành trình hoàn toàn trên chuyến bay do các hãng hàng không có thỏa thuận hợp tác về chương trình KHTX khai thác.

4.2.4.3. Vé thưởng có hành trình kết hợp các chuyến bay của VNA và các chuyến bay do các hãng hàng không ngoài SKT có thỏa thuận hợp tác về chương trình KHTX.

4.3. Các quy định sử dụng vé thưởng

- 4.3.1. Hội viên được phép lấy vé thưởng khi hạng đặt chỗ trả thưởng còn mở bán. Vé thưởng phải được đặt chỗ và được xác nhận có chỗ. Hạng đặt chỗ trả thưởng trên VNA được quy định ở Phụ lục 3 – Hạng đặt chỗ trả thưởng. Hạng đặt chỗ vé thưởng trên các hãng hàng không đối tác được thông báo trong từng giai đoạn.
- 4.3.2. Trường hợp hội viên yêu cầu vé thưởng cho trẻ em (CHD) từ 02 đến dưới 12 tuổi (tính theo ngày thực hiện chuyến bay) thì mức Dặm khấu trừ tương đương với mức Dặm khấu trừ của vé thưởng dành cho người lớn.
- 4.3.3. Hội viên hạng thẻ Bạch kim, Vàng và Titan được lấy vé thưởng cho trẻ em dưới 2 tuổi (INF) có tên trong Danh sách nhận thưởng đi cùng với vé thưởng người lớn khác. Số Dặm khấu trừ cho trẻ em dưới 2 tuổi bằng 10% số Dặm lấy thưởng của người lớn. Mã đặt chỗ cho vé thưởng trẻ em dưới 2 tuổi cần được đặt trong cùng mã đặt chỗ vé thưởng của người lớn đi cùng.
- 4.3.4. Vé thưởng cho trẻ em dưới 2 tuổi có các hành trình trên các chuyến bay của VNA và Đối tác hàng không: Nếu trẻ em dưới 2 tuổi sử dụng vé thưởng sẽ tròn 2 tuổi trên các chặng bay của Đối tác hàng không thì áp dụng mức khấu trừ Dặm của vé thưởng cho trẻ em (CHD) trên các chặng bay này.
- 4.3.5. Số Dặm khấu trừ lấy thưởng được căn cứ vào hãng khai thác, hạng dịch vụ, hành trình, mùa (cao điểm, thấp điểm của đường bay), vùng trả thưởng và đối tượng lấy thưởng. Mức khấu trừ Dặm áp dụng cho hội viên và người thân trong Danh sách nhận thưởng đã chỉ định được quy định tại Phụ lục 4 – Bảng trả thưởng.
- 4.3.6. Hội viên hạng thẻ Bạch kim và Vàng lấy thưởng cho người ngoài Danh sách nhận thưởng đã chỉ định, số Dặm khấu trừ sẽ được tính thêm 20% so với mức quy định tại Bảng trả thưởng.
- 4.3.7. Hành trình lấy thưởng có chặng bay chỉ trên VNA sẽ áp dụng Bảng trả thưởng của VNA. Hành trình lấy thưởng có các chặng bay trên các hãng hàng không khác áp dụng theo Bảng trả thưởng trên các hãng hàng không khác mà VNA có hợp tác về chương trình KHTX. Đối với hành trình có chặng bay kết hợp giữa VNA và các hãng hàng không khác, mức khấu trừ Dặm của chặng bay trên hãng hàng không nào thì áp dụng theo Bảng trả thưởng tương ứng.
- 4.3.8. Hành trình lấy thưởng có chặng bay trên các hãng hàng không ngoài SKT mà VNA có hợp tác về chương trình KHTX phải đặt riêng, không được phép kết hợp với chặng bay của VNA, hoặc với chặng bay của SKT trên cùng một vé thưởng. Số Dặm khấu trừ sẽ áp dụng Bảng trả thưởng dành cho những hành trình trên SKT và các hãng hàng không khác.

- 4.3.9. Hành trình trả thưởng là hành trình có một hoặc nhiều chặng bay. Cách tính Dặm khấu trừ cho một chặng bay dựa vào Bảng trả thưởng theo điểm đầu và điểm cuối.
- 4.3.10. Hành trình trả thưởng quốc tế có nối chuyến một điểm nội địa Việt Nam trong vòng 24 tiếng:
- 4.3.10.1 Trừ Dặm theo chặng quốc tế nếu 2 chặng cùng hạng dịch vụ hoặc chặng quốc tế có hạng dịch vụ cao hơn.
- 4.3.10.2 Trừ Dặm theo phương pháp cộng chặng nếu chặng nội địa có hạng dịch vụ cao hơn chặng quốc tế.
- 4.3.11. Hội viên có thể lấy thưởng trực tuyến (ít nhất 6 tiếng trước chuyến bay) hoặc tại các Phòng vé. Trong trường hợp lấy thưởng tại Phòng vé hội viên phải gửi Yêu cầu cấp thưởng trước ngày bay ít nhất 2 ngày làm việc với hội viên hạng thẻ Bạch kim và Vàng hoặc 3 ngày làm việc với hội viên hạng thẻ Titan, Bạc và Đăng ký.
- 4.3.12. Vé thưởng không được chuyển đổi hãng vận chuyên, thay đổi hành trình, gia hạn hiệu lực, chuyển nhượng sang người khác nhưng được phép thay đổi chuyến bay, ngày bay, giờ bay miễn phí trong trường hợp chuyến bay còn chỗ trống tương ứng (lưu ý các hạn chế về mùa cao điểm được đăng tại website www.vietnamairlines.com).
- 4.3.13. Trong trường hợp hội viên muốn đổi ngày bay của vé thưởng, nếu ngày bay mới không có chuyến bay thẳng thì được phép đổi sang chuyến bay vòng qua điểm nối chuyến (transit) Hà Nội hoặc Tp. Hồ Chí Minh và ngược lại. Hội viên trả phí đổi vé (nếu có) và chênh lệch thuế/phí giữa vé mới và vé cũ.
- 4.3.14. Hội viên khi sử dụng vé thưởng được đăng ký các loại dịch vụ đặc biệt mà VNA và Đối tác hàng không có phục vụ trên chuyến bay nhưng phải thanh toán các loại phí dịch vụ đặc biệt này theo các quy định hiện hành áp dụng đối với vé mua của VNA tại website www.vietnamairlines.com hoặc của đối tác hàng không tại các website của các hãng hàng không đối tác.
- 4.3.15. Vé thưởng hợp lệ chưa sử dụng, còn hiệu lực chỉ hoàn được phép hoàn các khoản phí, lệ phí và phụ thu (trừ phí dịch vụ xuất vé, phí hệ thống nếu có) và không phải trả lệ phí hoàn vé. Tuy nhiên, hội viên không được hoàn lại Dặm đã khấu trừ cho vé thưởng này.
- 4.3.16. Vé thưởng còn hiệu lực vận chuyển được yêu cầu thay đổi hạng dịch vụ và chịu phí xuất vé. Chênh lệch Dặm do thay đổi hạng dịch vụ được khấu trừ Dặm như sau:
- 4.3.16.1. Nếu Yêu cầu cấp thưởng mới có số Dặm khấu trừ nhiều hơn so với Yêu cầu cấp thưởng cũ thì phần Dặm chênh lệch sẽ được trừ thêm vào tài khoản đã lấy thưởng.
- 4.3.16.2. Nếu Yêu cầu cấp thưởng mới có số Dặm khấu trừ ít hơn so với Yêu cầu cấp thưởng cũ thì phần Dặm chênh lệch sẽ không được truy hoàn lại vào tài khoản đã lấy thưởng.
- 4.3.17. Các điều kiện được áp dụng khi lấy thưởng trong các giai đoạn cao điểm:

- 4.3.17.1. Có thể đổi ngày bay cho vé thường nếu còn chỗ nhưng sẽ bị trừ thêm Dặm nếu đổi ngày bay vào giai đoạn cao điểm.
- 4.3.17.2. Hội viên không được phép sử dụng vé thường để đi trong giai đoạn cao điểm (được đăng tại website www.vietnamairlines.com) mà không có xác nhận đặt chỗ trước.
- 4.3.17.3. Hội viên phải thanh toán các khoản phí khi thay đổi chuyến bay, ngày bay, giờ bay trong giai đoạn cao điểm (nếu có).
- 4.3.18. Vé thường vòng quanh thế giới trả thưởng trên VNA và SKT:
 - 4.3.18.1. Phải có hành trình theo 1 chiều liên tục từ hướng Đông sang hướng Tây hoặc từ hướng Tây sang hướng Đông.
 - 4.3.18.2. Phải bao gồm 1 chuyến bay qua Thái Bình Dương và 1 chuyến bay qua Đại Tây Dương.
 - 4.3.18.3. Có tối đa 6 điểm dừng quá 24 tiếng (stopover) cho cả hành trình, trong đó không quá 3 stopover trong cùng 1 châu lục (châu Mỹ, châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Đại Dương).
 - 4.3.18.4. Phần thưởng cho phép bao gồm 1 hành trình có chuyến bay quay về điểm khởi hành ban đầu từ một thành phố khác so với thành phố đến (open jaw), 1 “open jaw” được coi là 1 stopover.
 - 4.3.18.5. Số Dặm yêu cầu cho hạng Phổ thông: 200.000 Dặm, hạng Thương gia: 300.000 Dặm, và hạng Nhất: 380.000 Dặm.

5. Thưởng nâng hạng dịch vụ

- 5.1. Thưởng nâng hạng dịch vụ được áp dụng trên các chuyến bay của VNA khai thác và tham gia (VN*/VN); các chuyến bay VNA mua chỗ cứng trên các hãng hàng không khác nếu VN có mua chỗ cứng trên khoang dịch vụ thương gia (VN*2000-VN*2999); Trong trường hợp vé mua có sự tham gia của hãng khác, thưởng nâng hạng dịch vụ chỉ áp dụng trên các chuyến bay của VNA khai thác.
- 5.2. Thưởng nâng hạng dịch vụ có hiệu lực thời hạn sử dụng tương ứng với vé mua đi kèm.
- 5.3. Trường hợp hội viên yêu cầu lấy thưởng nâng hạng dịch vụ cho trẻ em (CHD) từ 02 đến dưới 12 tuổi (tính theo ngày thực hiện chuyến bay) thì mức Dặm khấu trừ tương đương với mức Dặm khấu trừ của thưởng nâng hạng dịch vụ dành cho người lớn.
- 5.4. Hội viên hạng thẻ Bạch kim, Vàng và Titan được lấy thưởng nâng hạng dịch vụ cho trẻ em dưới 2 tuổi (INF) có tên trong Danh sách nhận thưởng đi cùng với vé thường hoặc thưởng nâng hạng dịch vụ người lớn khác. Số Dặm khấu trừ cho trẻ em dưới 2 tuổi bằng 10% số Dặm lấy thưởng của người lớn. Mã đặt chỗ cho vé thường nâng hạng dịch vụ cho trẻ em dưới 2 tuổi cần được đặt trong cùng mã đặt chỗ vé nâng hạng dịch vụ của người lớn đi cùng.
- 5.5. Số Dặm khấu trừ lấy thưởng được căn cứ vào hãng khai thác, hạng dịch vụ, hành trình, mùa (cao điểm, thấp điểm của đường bay), vùng trả thưởng và đối tượng lấy thưởng. Mức khấu trừ Dặm áp dụng cho hội viên và người thân

trong Danh sách nhận thưởng đã chỉ định được quy định tại Phụ lục 4 – Bảng trả thưởng.

- 5.6. Hội viên hạng thẻ Bạch kim và Vàng lấy thưởng cho người ngoài Danh sách nhận thưởng đã chỉ định, số Dặm khấu trừ sẽ được tính thêm 20% so với mức quy định tại Bảng trả thưởng.
- 5.7. Hành trình trả thưởng là hành trình có một hoặc nhiều chặng bay. Cách tính Dặm khấu trừ cho một chặng bay dựa vào Bảng trả thưởng theo điểm đầu và điểm cuối.
- 5.8. Hành trình trả thưởng là hành trình có một hoặc nhiều chặng bay. Cách tính Dặm khấu trừ cho một chặng bay dựa vào Bảng trả thưởng theo điểm đầu và điểm cuối.
 - 5.8.1. Hành trình trả thưởng quốc tế có nối chuyến một điểm nội địa Việt Nam trong vòng 24 tiếng:
 - 5.8.1.1 Trừ Dặm theo chặng quốc tế nếu 2 chặng cùng hạng dịch vụ hoặc chặng quốc tế có hạng dịch vụ cao hơn.
 - 5.8.1.2 Trừ Dặm theo phương pháp cộng chặng nếu chặng nội địa có hạng dịch vụ cao hơn chặng quốc tế.
 - 5.8.2. Thưởng nâng hạng dịch vụ trên cùng chuyến bay ban đầu không thu phí thay đổi đặt chỗ theo điều kiện giá. Hội viên phải trả chênh lệch phí dịch vụ xuất vé và thuế/phí/lệ phí phát sinh nếu có.
 - 5.8.3. Thưởng nâng hạng dịch vụ phải tuân thủ các điều kiện hạn chế của vé mua ban đầu. Trong trường hợp vé mua ban đầu được phép gia hạn, thay đổi hành trình, vé thưởng nâng hạng dịch vụ cũng được gia hạn, thay đổi hành trình tương ứng. Khi thay đổi hành trình cho vé thưởng nâng hạng dịch vụ hội viên sẽ bị khấu trừ Dặm chênh lệch nếu số Dặm cho hành trình mới nhiều hơn số Dặm yêu cầu ở hành trình ban đầu. Nếu số Dặm khấu trừ cho hành trình mới ít hơn so với hành trình ban đầu thì phần Dặm chênh lệch không được truy hoàn lại vào Tài khoản hội viên.
 - 5.8.4. Thưởng nâng hạng dịch vụ có thời hạn hiệu lực trùng với vé mua và là phần không thể tách rời của vé mua.
 - 5.8.5. Chứng nhận cấp thưởng nâng hạng dịch vụ sẽ không làm thay đổi các hạn chế đang áp dụng cho vé mua dùng để nâng hạng. Khi vé mua hết hạn hoặc đã chi hoàn, Chứng nhận cấp thưởng nâng hạng dịch vụ không còn giá trị sử dụng để nâng hạng cho những vé mua khác.
6. Thưởng hành lý
 - 6.1. Thưởng hành lý có hiệu lực thời hạn sử dụng tương ứng với vé mua đi kèm.
 - 6.2. Số Dặm khấu trừ lấy thưởng hành lý được quy định tại Phụ lục 4 – Bảng trả thưởng.
 - 6.3. Hội viên hạng thẻ Bạch kim và Vàng lấy thưởng cho người ngoài Danh sách nhận thưởng đã chỉ định, số Dặm khấu trừ sẽ được tính thêm 20% so với mức quy định tại Bảng trả thưởng.
 - 6.4. Thưởng hành lý quá cước được trả theo gói với mỗi gói là 10 kg. Giới hạn khối lượng hành lý trả thưởng tối đa là 30 kg cho một chuyến bay (tối đa 3

gói). Phần thưởng hành lý đã cấp được phép đổi ngày sử dụng miễn phí khi vé mua đổi ngày bay mới.

7. Thưởng Phòng khách Bông Sen

Thưởng sử dụng phòng khách Bông Sen áp dụng:

- 7.1. Cho 1 người thân trong danh sách nhận thưởng và đi cùng chuyến bay với hội viên Bạch kim hoặc Vàng.
- 7.2. Trên các chuyến bay do VNA khai thác với số hiệu chuyến bay là VN.
- 7.3. Tại các phòng khách Bông Sen trên lãnh thổ Việt Nam.
- 7.4. Trong trường hợp lấy thưởng phòng khách Bông Sen cho 1 người thân ngoài danh sách nhận thưởng của hội viên Bạch kim hoặc Vàng thì số Dặm khấu trừ sẽ tính thêm 20% so với mức quy định tại Bảng trả thưởng.

8. Thưởng trên Các Đối tác phi hàng không

Thưởng trên Đối tác phi hàng không được quy định trong các hợp đồng song phương giữa VNA và các Đối tác phi hàng không và được đăng tải tại website www.vietnamairlines.com và thông báo đến hội viên trước ít nhất 01 ngày có hiệu lực áp dụng.

Các phần thưởng trên đối tác phi hàng không đã chấm dứt hợp đồng hợp tác sẽ được đăng tải tại www.vietnamairlines.com và thông báo tới hội viên ít nhất trước 01 ngày có hiệu lực áp dụng.

9. Sử dụng Dặm kết hợp Tiền để mua vé máy bay

- 9.1. Hội viên có thể kết hợp Dặm và Tiền để mua vé máy bay trên các chuyến bay của VNA.
- 9.2. Hội viên có thể mua vé với hình thức Dặm và Tiền trên kênh bán vé trực tuyến của VNA (triển khai trên kênh website trước, kênh mobile app sau) hoặc tại các phòng vé của VNA trong và ngoài nước.
- 9.3. Số dặm tối thiểu để sử dụng sản phẩm Dặm và Tiền là 2.000 dặm/1 khách/1 chặng bay. Ví dụ: Hội viên mua 1 vé khứ hồi (2 chặng bay) sẽ cần tối thiểu 4.000 dặm.
- 9.4. HV có thể sử dụng Dặm để thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị của vé nhưng không được dùng dặm để thanh toán cho các khoản thuê, phí và các khoản phụ thu.
- 9.5. Hội viên được cộng dặm theo quy định cộng dặm của chương trình BSV được đăng tải trên website www.vietnamairlines.com.
- 9.6. Trường hợp hoàn vé, hội viên không được hoàn lại số dặm đã sử dụng để mua vé bằng Dặm và Tiền.
- 9.7. Trường hợp hoàn vé không tự nguyện (involuntary), hội viên được hoàn lại số dặm đã sử dụng để mua vé bằng Dặm và Tiền, tuân thủ nguyên tắc xử lý vé tại Điều 10.2 của Điều lệ vận chuyển được đăng tải trên website www.vietnamairlines.com, không bao gồm các trường hợp phần thưởng bị hủy bỏ vì các lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
- 9.8. Hội viên có thể mua vé máy bay theo hình thức Dặm và Tiền cho người đi cùng với điều kiện người đi cùng phải được đặt chung mã đặt chỗ với hội viên.
- 9.9. Giá trị của dặm thanh toán theo hình thức Dặm và Tiền được xác định dựa trên các yếu tố như thời điểm mua vé, ngày bay, hành trình, hạng đặt chỗ,

kênh bán... và được công bố trên website hoặc ứng dụng di động của Vietnam Airlines tại thời điểm hội viên đặt chỗ và thanh toán.

- 9.10. HV có thể dùng dặm để mua dịch vụ chỗ trước trên máy bay (paid seat) và hành lý trả trước (prepaid baggage) trong quá trình mua vé máy bay bằng Dặm và Tiền được quy đổi từ đơn giá của các dịch vụ theo giá trị của dặm thanh toán.

Điều 9. Mua tặng Dặm bay, chặng bay

1. Đối tượng áp dụng

- 1.1. Hội viên thiếu Dặm xét hạng, Chặng bay xét hạng có nhu cầu mua Dặm, chặng bay hoặc chuyển đổi từ dặm thưởng sang dặm/chặng bay xét hạng để nâng hạng thẻ hoặc duy trì hạng thẻ.
- 1.2. Hội viên thiếu Dặm thưởng có nhu cầu mua Dặm để lấy các phần thưởng của chương trình BSV.
- 1.3. Khách hàng chưa phải là hội viên muốn mua thẻ để hưởng ưu đãi ngay.
- 1.4. Tổ chức hoặc cá nhân mua Dặm để tặng người quen hoặc khách hàng.

2. Các quy định chung

- 2.1. Hội viên được mua Dặm xét hạng, Chặng bay xét hạng, Dặm thưởng từ chương trình BSV.
- 2.2. Dặm xét hạng, Dặm thưởng được bán hoặc chuyển nhượng theo gói, mỗi gói 1.000 Dặm, bán tối thiểu 1.000 Dặm đối với Dặm thưởng và 2.000 Dặm đối với Dặm xét hạng.
- 2.3. Chặng bay xét hạng được bán với mức tối thiểu 2 chặng bay.
- 2.4. Mức giá mua Dặm xét hạng, Chặng bay xét hạng, Dặm thưởng, lệ phí cho tặng Dặm thưởng được quy định tại Phụ lục 5 – Đơn giá Dặm.
- 2.5. Dặm xét hạng, Chặng bay xét hạng, Dặm thưởng đã mua không được hoàn lại trong mọi trường hợp.

3. Quy định mua Dặm/Chặng bay xét hạng

- 3.1. Dặm/Chặng bay xét hạng thẻ có thể mua tại phòng vé hoặc trực tuyến.
- 3.2. Dặm/Chặng bay xét hạng có thể mua cho kì xét hạng hiện tại hoặc Kỳ xét hạng quá khứ theo phương pháp xét hạng quay vòng (rolling).
- 3.3. Số Dặm/Chặng bay xét hạng còn thiếu để mua nâng hạng hoặc duy trì hạng thẻ được tính dựa trên chênh lệch giữa số Dặm/Chặng bay xét hạng tiêu chuẩn với số Dặm/Chặng bay xét hạng đã tích lũy được trong Kỳ xét hạng.
 - Ví dụ mua Dặm/Chặng bay xét hạng để duy trì hạng thẻ cho kì xét hạng hiện tại: Ngày 15/10/2019, hội viên hạng thẻ Vàng muốn mua Dặm/Chặng bay xét hạng để duy trì hạng thẻ Vàng sẽ hết hạn vào ngày 31/10/2019. Số Dặm/Chặng bay xét hạng thiếu phải mua được tính cho kì xét hạng của thẻ (từ 01/10/2018 đến 31/10/2019). Hạng thẻ Vàng có hiệu lực từ ngày nâng hạng đến ngày 31/10/2020.
 - Ví dụ mua Dặm/Chặng bay xét hạng để duy trì hạng thẻ cho kì xét hạng quá khứ: Ngày 15/10/2019, hội viên hạng thẻ Titan muốn mua Dặm/Chặng bay xét hạng để duy trì hạng thẻ Vàng đã hết hạn vào 30/9/2019. Số Dặm/Chặng bay xét hạng thiếu phải mua được tính cho kì xét hạng của thẻ (01/9/2018 đến 30/9/2019). Hạng thẻ Vàng có hiệu lực từ

ngày nâng hạng đến ngày 30/9/2020.

- Ví dụ mua Dặm/Chặng bay xét hạng để duy trì hạng thẻ cho kì xét hạng tương lai: Ngày 15/10/2019, hội viên hạng Vàng muốn mua Dặm/Chặng bay xét hạng để duy trì hạng thẻ Vàng sẽ hết hạn vào 30/11/2019. Số Dặm/Chặng bay xét hạng thiếu phải mua được tính cho kì xét hạng của thẻ (01/11/2018 đến 30/11/2019). Hạng thẻ Vàng có hiệu lực từ ngày nâng hạng đến ngày 30/11/2020.
- 3.4. Khi mua Dặm xét hạng, Dặm thường được cộng tương ứng với số Dặm xét hạng đã mua vào Tài khoản hội viên và có giá trị sử dụng theo quy định của chương trình BSV về Dặm thưởng.
- 3.5. Trong trường hợp mua Dặm/Chặng bay xét hạng để cho tặng người khác, người mua phải cam kết đã được sự đồng ý của hội viên nhận. Trong trường hợp người nhận không đồng ý nhận thẻ và Dặm, chặng bay cho tặng, hội viên có trách nhiệm phải thông báo cho VNA ngay sau khi nhận được thẻ và gửi lại thẻ cho VNA trong thời hạn 30 ngày. Sau khi nhận được thông báo không đồng ý của hội viên, VNA sẽ tiến hành hạ hạng thẻ về tình trạng ban đầu và/hoặc đóng Tài khoản hội viên.
- 4. Quy định mua Dặm thưởng
 - 4.1. Dặm thưởng có thể mua tại phòng vé hoặc trực tuyến.
 - 4.2. Trong trường hợp mua Dặm tại phòng vé để đủ Dặm lấy thưởng, đơn yêu cầu mua Dặm cấp thưởng phải được gửi cùng mẫu đơn Yêu cầu cấp thưởng. Hội viên thanh toán số tiền mua Dặm cùng với các khoản lệ phí và thuế khi lấy vé thưởng.
- 5. Quy định cho/tặng Dặm thưởng giữa hội viên
 - 5.1. Cho tặng Dặm thưởng giữa hội viên có thể thực hiện tại phòng vé hoặc trực tuyến.
 - 5.2. Người nhận và người cho/tặng Dặm thưởng đều phải là hội viên của chương trình BSV.
 - 5.3. Khi thực hiện tại phòng vé, Yêu cầu cho/tặng Dặm thưởng phải có chữ ký của hội viên cho/tặng và hội viên nhận. Trên Yêu cầu cho/tặng Dặm thưởng phải có thông tin nêu rõ số Dặm thưởng cho/tặng và các loại phí mà hội viên phải thanh toán khi thực hiện việc cho/tặng.
 - 5.4. Hội viên nhận Dặm thưởng phải xuất trình Thẻ hội viên, chứng minh thư hoặc hộ chiếu gốc của cả hội viên cho/tặng Dặm thưởng và hội viên nhận khi thanh toán phí cho/tặng Dặm thưởng tại phòng vé.
- 6. Chuyển đổi từ dặm thưởng sang dặm/chặng bay xét hạng:
 - 6.1. Hội viên được chuyển đổi từ dặm thưởng sang dặm/chặng bay xét hạng thẻ theo tỷ lệ và mức phí thực hiện chuyển đổi, được quy định tại Phụ lục 5.
 - 6.2. Chỉ thực hiện chuyển đổi trong tài khoản của hội viên, không được chuyển đổi giữa các tài khoản.
 - 6.3. Số dặm/chặng bay xét hạng chuyển đổi được tính theo gói, mỗi gói là 1.000 dặm xét hạng/1 chặng bay xét hạng.
 - 6.4. Số dặm/chặng bay tối đa được chuyển đổi: 20.000 dặm xét hạng hoặc 20 chặng bay xét hạng/1 năm lịch (Từ 1/1 đến 31/12).

Chương III

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của VNA

1. VNA có quyền sửa đổi các nội dung của Điều lệ tại bất kỳ thời điểm nào với điều kiện các nội dung sửa đổi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận, và hội viên được thông báo ít nhất 10 ngày trước ngày có hiệu lực.
2. VNA không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc không thể cấp thưởng hoặc phần thưởng bị huỷ bỏ vì các lý do bất khả kháng được xác định theo quy định của pháp luật.
3. VNA không chịu trách nhiệm pháp lý đối với hội viên về việc từ chối trả thưởng và xử lý các tài khoản Dạm BSV của hội viên trong trường hợp phát hiện tài khoản có giao dịch gian lận quy định tại Khoản 2, Điều 11 hoặc vi phạm các khoản 1, 2, 6.5 Điều 5, Khoản 1.8 Điều 6, Khoản 8.13 Điều 7, Khoản 3.2, 3.6 Điều 8 tại Chương II - Điều lệ chương trình BSV.
4. VNA không chịu trách nhiệm pháp lý đối với hội viên trong việc không cung cấp một phần hoặc toàn bộ các ưu đãi của chương trình dành cho hội viên trong các trường hợp bất khả kháng.
5. VNA không chịu trách nhiệm trong trường hợp thất lạc thư, thẻ, ấn phẩm gửi cho hội viên do địa chỉ liên lạc không chính xác hoặc không được cập nhật kịp thời.
6. VNA được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với hội viên trong các trường hợp thông tin hội viên bị tiết lộ vì lý do bất khả kháng.
7. VNA có trách nhiệm bảo mật theo quy định bảo mật thông tin khách hàng của VNA được đăng tải tại website www.vietnamairlines.com và lưu trữ dữ liệu hội viên trên hệ thống của chương trình BSV trong thời gian tối đa 30 năm kể từ thời điểm hội viên có giao dịch sau cùng với chương trình BSV.
8. Hội viên được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia chương trình BSV, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
Trường hợp thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Hội viên thì VNA có trách nhiệm:
 - 8.1. Thông báo rõ ràng, công khai trước khi thực hiện với Hội viên về mục đích hoạt động thu thập, sử dụng thông tin của Hội viên.
 - 8.2. Sử dụng thông tin phù hợp với mục đích đã thông báo với Hội viên và phải được Hội viên đồng ý.
 - 8.3. Bảo đảm an toàn, chính xác, đầy đủ khi thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Hội viên.
 - 8.4. Tự mình hoặc có biện pháp để Hội viên cập nhật, điều chỉnh thông tin khi phát hiện thấy thông tin đó không chính xác.
 - 8.5. Chỉ được chuyển giao thông tin của Hội viên cho bên thứ ba khi có sự đồng ý của Hội viên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của hội viên BSV

1. Khi tham gia vào chương trình BSV, hội viên cần đồng ý và có trách nhiệm tuân thủ theo các Điều khoản của Điều lệ chương trình BSV;
2. Hội viên không được phép tạo tài khoản khống, cộng dặm khống, lấy thưởng từ tài

- khoản không, lấy thưởng từ tài khoản của Hội viên khác, mua bán vé thưởng, cập nhật số thẻ của hội viên khác để cộng dặm, hưởng ưu đãi dịch vụ.
3. Hội viên hạng thẻ Đăng kí, Bạc, Titan, Vàng và Bạch kim được nhận Thông báo tài khoản, các thông báo đề nghị cập nhật hồ sơ hội viên, các thay đổi/bổ sung Điều lệ BSV. Hội viên được nhận Bản tin BSV qua email, được trợ giúp các thông tin về chương trình BSV, được nhận thông tin về sản phẩm mới/ưu đãi mới của VNA và các chương trình bán đặc biệt khác (nếu đăng ký).
 4. Khi hội viên liên hệ với chương trình BSV qua các kênh, cần thực hiện như sau:
 - 4.1. Liên hệ tới tổng đài 19001800 (gọi trong lãnh thổ Việt Nam) hoặc +842438320320 (gọi ngoài lãnh thổ Việt Nam): Hội viên phải gọi điện từ số điện thoại đã đăng ký với chương trình BSV.
 - 4.2. Liên hệ tới thư điện tử của Chương trình: Hội viên phải gửi từ thư điện tử đã đăng ký với chương trình BSV.
 - 4.3. Trong trường hợp hội viên muốn ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản BSV của mình, hội viên được yêu cầu gửi Giấy ủy quyền theo mẫu của chương trình BSV.
 5. Hội viên được quyền tham gia, xét hạng thẻ, cộng Dặm, lấy thưởng, mua và chuyển nhượng Dặm, hưởng các ưu đãi theo hạng thẻ hội viên, duy trì và chấm dứt việc tham gia chương trình BSV theo các Điều khoản của Điều lệ chương trình BSV;
 6. Hội viên có khiếu nại liên quan đến dịch vụ vận chuyển hành khách của VNA được xử lý quy định tại Điều lệ vận chuyển của VNA.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Những quy định tại Điều lệ này có thể được VNA sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu trong từng thời kỳ, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận và thông báo tới hội viên ít nhất 10 ngày trước ngày có hiệu lực.

Không một đại lý, nhân viên hoặc đại diện nào của VNA có quyền sửa đổi hoặc hủy bỏ bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ này.

Hội viên BSV và VNA có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/..../2019.

Phụ lục 1: Ưu đãi dịch vụ (trên chuyến bay VNA)

(Đính kèm Điều lệ Chương trình Bông Sen Vàng của VIETNAM AIRLINES)

Ưu đãi	Bạch kim	Vàng	Titan	Bạc
Đặt chỗ trước chuyến bay				
Đảm bảo chỗ trên các chuyến bay quốc tế ⁽¹⁾	24 giờ	72 giờ	96 giờ	Không
Đảm bảo chỗ trên các đường bay nội địa giữa Hà Nội, Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	24 giờ	48 giờ	72 giờ	Không
Ưu tiên trong danh sách chờ	Ưu tiên cao nhất	Ưu tiên cao hơn	Ưu tiên cao	Có
Làm thủ tục chuyến bay				
Làm thủ tục tại quầy Thương gia/quầy SkyPriority	Có	Có	Có	Không
Làm thủ tục tại quầy SkyPriority hoặc quầy Thương gia đối cho tối đa 5 người đi cùng chuyến bay (VN*/VN)	Có	Không	Không	Không
Làm thủ tục tại quầy Thương gia/quầy SkyPriority đối với người sử dụng Vé thường dành cho người thân khi đi cùng với hội viên	Có	Có	Không	Không
Ưu tiên miễn phí nâng lên hạng Thương gia đối với hội viên đã có chỗ xác nhận hạng Phổ thông hoặc hạng Phổ thông đặc biệt nhưng đã hết chỗ khi làm thủ tục và hạng Thương gia còn chỗ ⁽²⁾	Có	Có	Có	Không
Được ưu tiên nâng lên hạng Phổ thông đặc biệt (nếu còn chỗ khi làm thủ tục tại sân bay) khi mua vé hạng Phổ thông có hạng đặt chỗ được cộng Dặm trên các chuyến bay của VNA có khai thác hạng Phổ thông đặc biệt	Có	Có	Không	Không
Miễn phí dịch vụ mua chỗ ngồi trên máy bay (Nếu có áp dụng)	Có	Có	Không	Không
Ưu tiên chọn ghế ngồi theo yêu cầu trong số ghế còn trống trên chuyến bay tại thời điểm làm thủ tục tại sân bay	Có	Có	Có	Không
Ưu tiên giải quyết chỗ trong trường hợp chuyến bay bất thường.	Có (Ưu tiên cao nhất)	Có (Ưu tiên cao hơn)	Có (Ưu tiên cao)	Có (Được ưu tiên)
Lối đi ưu tiên tại khu vực làm thủ tục lên máy bay ⁽³⁾	Có	Có	Có	Không
Ưu tiên tại quầy vé sân bay ⁽³⁾	Có	Không	Không	Không
Ưu tiên tại quầy nối chuyến ⁽³⁾	Có	Không	Không	Không
Lối đi ưu tiên tại khu vực an ninh soi	Có	Không	Không	Không

chiếu ⁽³⁾				
Lối đi ưu tiên tại khu vực xuất nhập cảnh ⁽³⁾	Có	Không	Không	Không
Hành lý				
Gắn thẻ hành lý ưu tiên SkyPriority	Có	Có	Có	Không
Thêm tiêu chuẩn hành lý miễn cước cho các chuyến bay áp dụng hệ kiện	+02 kiện (23kg/1 kiện)	+01 kiện (23kg/1 kiện)	+01 kiện (23kg/1 kiện)	Không
Phòng khách Bông Sen				
Phòng khách Bông Sen tại các sân bay mà VNA có đường bay đi và đến (ngay cả khi mua vé hạng Phổ thông)	Có (được mời thêm một khách đi cùng) ⁽⁴⁾	Có	Không	Không
Tích lũy Dặm thưởng				
Tặng Dặm thưởng nhân dịp sinh nhật	2.000 Dặm	1.500 Dặm	1.000 Dặm	Không

Lưu ý:

⁽¹⁾ Hội viên phải mua vé với các hạng đặt chỗ Phổ thông nhất định trên từng đường bay cụ thể. Bảng hạng đặt chỗ này sẽ được triển khai trên website www.vietnamairlines.com.

⁽²⁾ Thứ tự ưu tiên lần lượt là khách VIP, khách CIP, Hội viên hạng thẻ Bạch kim, Vàng và Titan.

⁽³⁾ Tùy thuộc vào khả năng cung ứng tại từng sân bay, một số dịch vụ có thể chưa được cung cấp cho hội viên. Danh sách sân bay có khả năng cung cấp ưu đãi này sẽ được triển khai trên website www.vietnamairlines.com.

⁽⁴⁾ Hội viên hạng Bạch Kim được mời thêm một khách có vé đi trên chuyến bay của VNA hoặc SKT cùng ngày bay với hội viên vào Phòng khách Bông Sen.

Phụ lục 2:

Hệ số cộng Dặm theo hạng đặt chỗ (trên chuyến bay VNA)

(Đính kèm Điều lệ Chương trình Bông Sen Vàng của VIETNAM AIRLINES)

1. Hệ số cộng Dặm áp dụng đối với chuyến bay nội địa

Hạng dịch vụ	Hạng đặt chỗ	Hệ số cộng Dặm
Hạng Thương gia	J, C	2,00
	D, I ^(*)	1,50
Hạng phổ thông đặc biệt	W	1,30
	Z, U ^(*)	1,20
Hạng Phổ thông	Y, B, M, S	1,00
	K, L, Q, N, R	0,65
	T, E ^(*)	0,25

(*) Chỉ áp dụng với hạng I, U, E của vé thương mại giá đủ, không áp dụng với vé ID, vé thưởng BSV, vé CA, vé QCTT-XTTM-TT.

2. Hệ số cộng Dặm áp dụng đối với chuyến bay quốc tế

Hạng dịch vụ	Hạng đặt chỗ	Hệ số cộng Dặm
Hạng Thương gia	J, C	2,00
	D, I ^(*)	1,50
Hạng Phổ thông đặc biệt	W	1,30
	Z, U ^(*)	1,20
Hạng Phổ thông	Y, B, M, S	1,00
	H, K, L, Q, N, R	0,65
	T, E ^(*) , A	0,25

(*) Chỉ áp dụng với hạng I, U, E của vé thương mại giá đủ, không áp dụng với vé ID, vé thưởng BSV, vé CA, vé QCTT-XTTM-TT.

Phụ lục 3:
Hạng đặt chỗ trả thưởng và loại giá vé thưởng (trên chuyến bay VNA)
(Đính kèm Điều lệ Chương trình Bông Sen Vàng của VIETNAM AIRLINES)

Hạng dịch vụ	Hạng đặt chỗ	Loại giá vé
Hạng phổ thông	X	YSM
Hạng phổ thông đặc biệt	U	WSM
Hạng thương gia	O	CSM

Phụ lục 4:
Bảng trả thưởng (Áp dụng trừ Dặm theo cặp thành phố)
(Đính kèm Điều lệ Chương trình Bông Sen Vàng của VIETNAM AIRLINES)

1. Trên VNA

1.1. Vé thưởng và Thưởng nâng hạng dịch vụ

NHÓM ĐƯỜNG BAY	Thấp điểm			Cao điểm			Nâng hạng phổ thông (Y/B/M/S) lên thương gia	Nâng hạng phổ thông (H/K/L/Q/N/R) lên thương gia	Nâng hạng phổ thông đặc biệt (W/Z/U*) lên Thương gia	Nâng hạng phổ thông (Y/B/M/S) lên Phổ thông đặc biệt	Nâng hạng phổ thông (H/K/L/Q/N/R) lên Phổ thông đặc biệt
	Hạng phổ thông	Hạng Phổ Thông đặc biệt	Hạng thương gia	Hạng phổ thông	Hạng Phổ Thông đặc biệt	Hạng thương gia					
Nội Địa Việt Nam 1	8.000		15.000	11.000		18.000	4.000	10.000			
Nội Địa Việt Nam 2	12.000	18.000	25.000	16.000	23.000	30.000	10.000	17.000	7.000	5.000	12.000
Đông Dương 1	12.000		23.000	16.000		28.000	12.000	16.000			
Đông Dương 2	18.000		35.000	24.000		42.000	18.000	25.000			
Đông Nam Á	13.000		35.000	20.000		42.000	12.000	20.000			
Việt Nam – Đông Bắc Á 1	18.000		45.000	24.000		54.000	13.000	32.000			
Việt Nam – Đông Bắc Á 2	25.000		60.000	35.000		72.000	30.000	50.000			
Việt Nam –	40.000	68.000	90.000	52.000	88.000	108.000	34.000	60.000	32.000	14.000	30.000

Đông Bắc Á 3											
Việt Nam - Úc	43.000	70.000	100.000	55.000	91.000	120.000	53.000	76.000	39.000	14.000	35.000
Việt Nam - Anh/Pháp/Đức/Nga	45.000	85.000	150.000	59.000	110.000	180.000	95.000	120.000	70.000	19.000	40.000
Đông Bắc Á - Mỹ/Canada	50.000			50.000							

Lưu ý:

- Các hạng đặt chỗ phổ thông đặc biệt được nâng hạng thương gia bao gồm: W, Z, U*;
- U*: chỉ áp dụng với vé thương mại giá đủ, không áp dụng cho vé ID, vé thường BSV, vé CA, vé QCTT-XTTM-TT

1.2. Phần thưởng hành lý

NHÓM ĐƯỜNG BAY		Dặm trả thưởng cho 1 gói 1 kiện (1 kiện = 23kg)
Nội địa Việt Nam 1		5.000
Nội địa Việt Nam 2		6.000
Vietnam	Đông Dương 1	8.000
	Đông Dương 2	8.000
Vietnam	Đông Nam Á	8.000
	Đông Bắc Á 1	10.000
	Đông Bắc Á 2	10.000
	Đông Bắc Á 3	10.000
	Châu Úc	15.000
	Châu Âu	15.000

1.3. Thưởng sử dụng phòng khách Bông Sen dành cho người thân hội viên Bạch kim, Vàng

Phòng khách Bông Sen cho người thân (Chỉ áp dụng tại Việt Nam)	Dặm trả thưởng
Quốc nội	2.000
Quốc tế	4.000

1.4. Bảng định nghĩa nhóm đường bay trả thưởng trên VNA

Nhóm đường bay	Các đường bay (giữa 2 điểm đi và đến) do VN khai thác và hợp tác trao đổi chỗ cứng	
Việt Nam 1	Hà Nội – Huế	TP. Hồ Chí Minh – Quy Nhơn
	Hà Nội – Vinh	TP. Hồ Chí Minh – Nha Trang
	Hà Nội – Đồng Hới	TP. Hồ Chí Minh – Buôn Mê Thuột
	Hà Nội – Đà Nẵng	TP. Hồ Chí Minh – Huế
	Đà Nẵng - Pleiku	TP. Hồ Chí Minh – Phú Quốc
	Đà Nẵng – Buôn Mê Thuột	TP. Hồ Chí Minh – Pleiku
	Đà Nẵng – Nha Trang	TP. Hồ Chí Minh – Đà Lạt
	Đà Nẵng – Hải Phòng	TP. Hồ Chí Minh – Đà Nẵng
	Đà Nẵng – Đà Lạt	TP. Hồ Chí Minh – Chu Lai
	Đà Nẵng – Vân Đồn	
	Hà Nội – Đà Lạt	Hà Nội – Cần Thơ
	Hà Nội – Nha Trang	Hà Nội – Quy Nhơn
	Hà Nội – Pleiku	Hải Phòng – Nha Trang

Việt Nam 2	Hà Nội – Buôn Mê Thuật	TP. Hồ Chí Minh – Hải Phòng
	Hà Nội – Chu Lai	TP. Hồ Chí Minh – Vinh
	Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh – Đồng Hới
	Hà Nội – Phú Quốc	TP. Hồ Chí Minh – Thanh Hóa
	Hà Nội – Tuy Hòa	TP. Hồ Chí Minh – Vân Đồn
		Đà Nẵng – Cần Thơ
Đông Dương 1	Hà Nội – Vientiane	TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh
	Hà Nội – Luang Prabang	TP. Hồ Chí Minh – Siem Reap
	Đà Nẵng – Siem Reap	
Đông Dương 2	Hà Nội – Siem Reap	TP. Hồ Chí Minh – Vientiane
	Hà Nội – Phnom Penh	Luang Prabang – Siem Reap
	Vientiane – Phnom Penh	
Đông Nam Á	Hà Nội – Kuala Lumpur	TP. Hồ Chí Minh – Kuala Lumpur
	Hà Nội – Singapore	TP. Hồ Chí Minh – Singapore
	Hà Nội – Yangon	TP. Hồ Chí Minh – Bangkok
	Hà Nội – Bangkok	TP. Hồ Chí Minh – Jakarta
	Đà Nẵng - Bangkok	TP. Hồ Chí Minh – Phuket
	TP. Hồ Chí Minh – Yangon	TP. Hồ Chí Minh – Denpasar

Đông Bắc Á 1	Hà Nội – Bắc Kinh	TP. Hồ Chí Minh – Bắc Kinh
	Hà Nội – Thượng Hải	TP. Hồ Chí Minh – Thượng Hải
	Hà Nội – Thành Đô	TP. Hồ Chí Minh – Quảng Châu
	Hà Nội – Quảng Châu	TP. Hồ Chí Minh – Hồng Kông
	Hà Nội – Hồng Kông	Đà Nẵng – Quảng Châu
	Hà Nội – Macau	Đà Nẵng – Hàng Châu
	Hà Nội – Thâm Quyển	TP. Hồ Chí Minh – Thâm Quyển
Đông Bắc Á 2	Hà Nội – Seoul	TP. Hồ Chí Minh – Seoul
	Hà Nội – Busan	TP. Hồ Chí Minh – Busan
	Hà Nội – Đài Bắc	TP. Hồ Chí Minh – Đài Bắc
	Hà Nội – Cao Hùng	TP. Hồ Chí Minh – Cao Hùng
	Đà Nẵng – Seoul	Nha Trang - Seoul
	Đà Nẵng – Busan	
Đông Bắc Á 3	Hà Nội - Tokyo	TP. Hồ Chí Minh - Tokyo
	Hà Nội – Fukuoka	TP. Hồ Chí Minh – Fukuoka
	Hà Nội – Nagoya	TP. Hồ Chí Minh – Nagoya
	Hà Nội – Osaka	TP. Hồ Chí Minh – Osaka
	Hà Nội – Haneda	Đà Nẵng - Osaka

		Đà Nẵng – Tokyo
Châu Úc	TP. Hồ Chí Minh - Melbourne	TP. Hồ Chí Minh - Sydney
	Hà Nội - Sydney	
Châu Âu	Hà Nội – Frankfurt	TP. Hồ Chí Minh – Frankfurt
	Hà Nội – Moscow	TP. Hồ Chí Minh – Paris
	Hà Nội – Paris	TP. Hồ Chí Minh – London
	Hà Nội – London	TP. Hồ Chí Minh – Moscow
Châu Mỹ	Taipei – San Francisco	Taipei – Los Angeles
	Taipei – Vancouver	

2. Trên SKT và các hãng hàng không khác

2.1. Bảng trả thưởng

Đi/Đến	Hạng dịch vụ	Đông Nam Á	Đông Bắc Á	Tây Nam Á	Tây Nam Thái Bình Dương	Bắc Mỹ	Trung Mỹ	Nam Mỹ	Châu Âu	Trung Đông	Châu Phi
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Y	30.000	45.000	45.000	50.000	55.000	65.000	70.000	70.000	50.000	50.000
	C	50.000	65.000	70.000	80.000	100.000	130.000	140.000	180.000	100.000	100.000
	F	72.000	100.000	105.000	120.000	150.000	195.000	210.000	210.000	150.000	150.000
2	Y		20.000	25.000	40.000	40.000	40.000	50.000	40.000	40.000	50.000
	C		40.000	50.000	80.000	80.000	80.000	100.000	80.000	80.000	100.000
	F		60.000	75.000	120.000	120.000	120.000	150.000	120.000	120.000	150.000
3	Y			40.000	50.000	50.000	50.000	60.000	35.000	35.000	40.000
	C			80.000	100.000	100.000	100.000	120.000	70.000	70.000	80.000

	F			120.000	150.000	150.000	150.000	180.000	105.000	105.000	120.000
4	Y				35.000	55.000	55.000	60.000	55.000	55.000	60.000
	C				70.000	110.000	110.000	120.000	110.000	110.000	120.000
	F				105.000	165.000	165.000	180.000	165.000	165.000	180.000
5	Y					15.000	17.500	25.000	25.000	40.000	40.000
	C					30.000	35.000	50.000	50.000	80.000	80.000
	F					45.000	52.500	75.000	75.000	120.000	120.000
6	Y						17.500	25.000	25.000	40.000	50.000
	C						35.000	50.000	50.000	80.000	100.000
	F						52.500	75.000	75.000	120.000	150.000
7	Y							15.000	45.000	50.000	60.000
	C							30.000	90.000	100.000	120.000
	F							45.000	135.000	150.000	180.000
8	Y								15.000	20.000	35.000
	C								30.000	40.000	70.000
	F								45.000	60.000	105.000
9	Y									15.000	40.000
	C									30.000	80.000
	F									45.000	120.000
10	Y										40.000
	C										80.000
	F										120.000

2.2. Bảng định nghĩa các vùng trả thưởng quốc tế trên các hãng hàng không trong SKT

Mã vùng	Tên vùng	Các quốc gia trong vùng
1	Đông Nam Á	Brunei Darussalem; Cambodia; Hong Kong, China; Indonesia; Lao People's Democratic Republic; Macao, China; Malaysia; Myanmar; Philippines; Singapore; Thailand; Vietnam.
2	Đông Bắc Á	Korea, Japan, China, Mongolia, East of Russian Federation (Vladivostock), các điểm khác thuộc vùng Đông Bắc Á.
3	Tây Nam Á	Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, India, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Maldives, Nepal, Pakistan, Sri Lanka, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, Central Russia.
4	Tây Nam Thái Bình Dương	Australia bao gồm Christmas and Cocos (Keeling) Islands, New Zealand, East Timor, Papua New Guinea và các đảo khác trong Thái Bình Dương bao gồm: American Samoa, Cook Islands, Fiji, French Polynesia, Guam, Kiribati, Marshall Islands, Micronesia, Nauru, New Caledonia, Niue, Norfolk Island, Northern Mariana Islands, Palau, Samoa, Solomon Islands, Tonga, Tuvalu, United States Minor Outlying Islands, Vanuatu, Wallis & Futuna Islands.
5	Bắc Mỹ	Bermuda, Canada, St. Pierre et Miquelon, United States including Alaska and Hawaii, nhưng loại trừ Puerto Rico và các đảo Virgin Islands.
6	Trung Mỹ	Anguilla, Antigua và Barbuda, Aruba, Bahamas, British Virgin Islands, Cayman Islands, Costa Rica, Barbados, Belize, Rica, Cuba, Dominica, Granada, Guadeloupe, Guatemala, Mexico, Monserrat, Antilles, Nicaragua, Panama, Puerto Rico, St. Christopher (St. Kitts) - Nevis, Saint Lucia, Saint Vincent and the Grenadines, Trinidad & Tobago, United States Virgin Islands, Dominican Republic, El Salvador, Haiti, Honduras, Jamaica, Martinique, Turks và Caicos Islands
7	Nam Mỹ 1	Colombia (bao gồm San Andres Islands), Ecuador, French Guiana, Guyana, Peru. Suriname, Venezuela.
8	Nam Mỹ 2	Argentina (bao gồm the Falkland Islands), Bolivia, Brazil, Chile, Uruguay, Paraguay.
9	Châu Âu	Albania, Andorra, Armenia, Austria, Azerbaijan, Belgium, Bosnia Herzegovina, Bulgaria, Canary Islands, Croatia, Azores, Belarus, Cyprus, Czech Republic, Denmark, Eire, Estonia, Faeroe Islands, Finland, France, Georgia, Iceland, Italy, Latvia, Liechtenstein, Lithuania, Luxembourg, Germany, Gibraltar, Greece, Greenland, Hungary, Macedonia (trước đây là Yugoslavia), Madeira, Malta, Moldova (nước Cộng hoà), Monaco, Netherlands, Norway, Poland, Portugal, Romania, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Spain, Sweden, Switzerland, Turkey, Ukraine, United Kingdom, Russian Federation (phía Tây của Urals).

10	Trung Đông	Bahrain, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Lebanon, Oman, Qatar, Saudi Arabia, Syrian Arab Republic, United Arab Emirates, Yemen, Palestine.
11	Bắc Phi	Algeria, Egypt, Libyan Arab Jamahiriya, Morocco, Sudan, Tunisia.
12	Nam Phi	Angola, Benin, Botswana, Burkina Faso, Burundi, Cameroon (nước Cộng Hoà), Cape Verde, Central African Republic, Chad, Comoros, Congo, Cote d'Ivoire, Democratic Republic of the Congo (trước đây là Zaire), Djibouti, Eritrea, Equatorial Guinea, Ethiopia, Gabon, Gambia, Ghana, Guinea, Guinea-Bissau, Kenya, Lesotho, Liberia, Madagascar, Malawi, Mali, Mauritania, Mauritius, Mayotte, Mozambique, Namibia, Niger, Nigeria, Reunion, Rwanda, St. Helena, Sao Tome & Principe, Senegal, Seychelles, Sierra Leone, Somalia, South Africa, Swaziland, Tanzania (nước Cộng Hoà), Togo, Uganda, Western Sahara, Zambia, Zimbabwe.

Phụ lục 5: Đơn giá Dặm

(Đính kèm Điều lệ Chương trình Bông Sen Vàng của VIETNAM AIRLINES)

1. Dặm xét hạng:

- Tại thị trường nước ngoài: 100 USD/1.000 Dặm.
- Tại thị trường Việt Nam: 2.350.000 VND/1.000 Dặm.

2. Chặng bay xét hạng:

- Tại thị trường nước ngoài: 100 USD/1 chặng bay.
- Tại thị trường Việt Nam: 2.350.000 VND/1 chặng bay.

3. Dặm thưởng:

- Tại thị trường nước ngoài: 25 USD/1.000 Dặm
- Tại thị trường Việt Nam: 575.000 VND/1.000 Dặm.

4. Đơn giá cho/tặng Dặm thưởng:

- Tại thị trường nước ngoài: 10 USD/1.000 dặm và phí chuyển nhượng 10 USD/1 giao dịch.
- Tại thị trường Việt Nam: 235.000 VND/1.000 dặm và phí chuyển nhượng 235.000 VND/1 giao dịch.

5. Đơn giá chuyển đổi dặm thưởng sang dặm/chặng bay xét hạng:

- Tại thị trường Việt Nam: 15.000 dặm thưởng/1.000 dặm xét hạng hoặc 1 chặng bay xét hạng. Phí thực hiện chuyển đổi 235.000 VND/1 giao dịch.
- Tại thị trường nước ngoài: 15.000 dặm thưởng/1.000 dặm xét hạng hoặc 1 chặng bay xét hạng. Phí thực hiện chuyển đổi 10 USD/1 giao dịch.

Ghi chú: Các loại phí trên đây đã bao gồm thuế VAT.
